

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết công tác đăng ký và quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì, soạn thảo dự án luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 của Quốc hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hành chính tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết công tác đăng ký và quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Hành chính tư pháp, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Ngoại giao (để phối hợp);
- Bộ Công an (để phối hợp);
- Bộ Nội vụ (để phối hợp);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để phối hợp);
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW (để chỉ đạo thực hiện);
- Sở Tư pháp các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ HCTP.



Hà Hùng Cường

KẾ HOẠCH TỔNG KẾT**Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch và việc thực hiện
các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4279/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Trong những năm gần đây, với những cố gắng của hệ thống cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở, sự phối hợp của các ngành liên quan đã tạo nên bước chuyển biến tích cực trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. Hoạt động quản lý hộ tịch ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong tiến trình xây dựng một nền hành chính công minh bạch, lấy lợi ích của nhân dân làm mục tiêu phục vụ. Thông qua việc quản lý hộ tịch của chính quyền các cấp đã giúp Nhà nước theo dõi thực trạng và sự biến động về hộ tịch, trên cơ sở đó bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng các chính sách về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và dân số, kế hoạch hóa gia đình. Hệ thống pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực hộ tịch (kể cả văn bản pháp luật điều chỉnh lĩnh vực hộ tịch trong nước và hộ tịch có yếu tố nước ngoài) đã ngày càng được hoàn thiện và đã phát huy hiệu quả tích cực; tuy nhiên, vào thời điểm hiện tại văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trực tiếp điều chỉnh trong lĩnh vực hộ tịch chỉ là Nghị định nên phải phụ thuộc vào văn bản cao hơn; mặt khác, các văn bản này còn nhiều và tản mát (có tới 05 Nghị định, 05 Thông tư và 01 Thông tư liên tịch), điều này đã gây khó khăn cho cơ quan đăng ký hộ tịch khi áp dụng để giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch của công dân.

Ngày 06/8/2011, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ nhất đã thông qua Nghị quyết số 07/2011/QH13 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011. Trong đó, Luật Hộ tịch đã được đưa vào chương trình chính thức trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII. Ngày 27 tháng 9 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1681/QĐ-TTg về việc phân công cơ quan chủ trì, soạn thảo dự án luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 của Quốc hội; trong đó Luật Hộ tịch sẽ trình Chính phủ trong tháng 6 năm 2012

và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến vào tháng 8 năm 2012. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong quy trình xây dựng luật (khoản 1 Điều 33), Bộ Tư pháp xây dựng Kế hoạch tổng kết công tác đăng ký và quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch bao gồm các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI TỔNG KẾT

1. Mục đích tổng kết

Đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng công tác hộ tịch từ trước đến nay về thể chế và tổ chức thực hiện thể chế; rút ra những kinh nghiệm thành công và chưa thành công trong công tác hộ tịch để làm cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng Luật Hộ tịch, đồng thời tạo chuyển biến cơ bản, bền vững, bảo đảm công tác đăng ký hộ tịch được chính xác, đầy đủ, phục vụ đặc lực cho phát triển kinh tế, xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng trong thời gian tới.

2. Yêu cầu tổng kết

Việc tổng kết cần được thực hiện nghiêm túc, toàn diện ở tất cả các cấp (từ cấp xã đến cấp Trung ương) và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; nội dung tổng kết phải thiết thực, phản ánh đúng thực tế khách quan, có phân tích, đánh giá sâu sắc; tránh làm theo kiểu thống kê, báo cáo thành tích. Mỗi cấp ở địa phương và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài khi đánh giá phải xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của mình để đi sâu vào từng nội dung tổng kết (theo những nội dung liên quan hướng dẫn tại Mục II của Kế hoạch này); kết quả tổng kết phải xây dựng thành Báo cáo để gửi cấp trên; Việc tổng kết cần được tiến hành một cách bài bản, bảo đảm chất lượng, phục vụ đặc lực cho công tác xây dựng Luật Hộ tịch với những cải cách cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và đăng ký hộ tịch trong thời gian tới.

3. Phạm vi tổng kết

- Đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành về hộ tịch (đánh giá mặt được, mặt chưa được của mô hình cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch; đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về hộ tịch; đánh giá phương pháp đăng ký hộ tịch, lưu trữ sổ hộ tịch, cấp giấy tờ hộ tịch... theo quy định của pháp luật hộ tịch hiện hành);

- Đánh giá tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch từ khi ngành Tư pháp tiếp nhận công tác này từ năm 1987 đến nay (đánh giá những mặt đã đạt được; những

hạn chế, tồn tại; những khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại và đề xuất giải pháp).

- Thống kê, đánh giá tình hình lưu sổ hộ tịch (trong đó tập trung vào 03 loại sổ: Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký khai tử) từ năm 1987 đến nay. Đối với những tỉnh, thành phố có những sổ hộ tịch từ trước năm 1987 đang lưu tại Sở Tư pháp và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là UBND cấp huyện) thì cũng báo cáo chung tình hình lưu các loại sổ này.

- Tổng hợp, báo cáo thống kê số liệu đăng ký hộ tịch được ghi trong các sổ hộ tịch đang lưu trữ (Ví dụ: xã A lưu được 40 quyển Sổ đăng ký khai sinh, thống kê được 2000 trường hợp khai sinh đã được đăng ký trong các sổ đó).

Số liệu đăng ký hộ tịch của UBND cấp huyện là tổng hợp số liệu báo cáo của các UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) trong địa bàn và số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch đang lưu tại UBND cấp huyện (số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch đang lưu tại UBND cấp huyện chỉ thống kê trong các sổ hộ tịch chỉ có lưu tại UBND cấp huyện mà không lưu ở UBND cấp xã); đối với các loại sổ kép đang lưu đồng thời tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện, thì chỉ UBND cấp xã thống kê báo cáo, UBND cấp huyện không phải thống kê số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch lưu kép tại UBND cấp huyện.

II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. Đánh giá các quy định của pháp luật về hộ tịch hiện hành trong mối liên hệ với thực tiễn để làm cơ sở cho việc xây dựng Luật Hộ tịch

Những quy định hiện hành của pháp luật về hộ tịch bao gồm:

a) Các quy định của Hiến pháp, Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Các văn bản nêu trên tuy không phải là những văn bản quy định trực tiếp về đăng ký và quản lý hộ tịch, nhưng là quy định về quyền nhân thân của cá nhân và những quy định mang tính nguyên tắc trong lĩnh vực hộ tịch, trên cơ sở đó việc đăng ký và quản lý hộ tịch chính là nhằm công nhận và bảo đảm thực hiện các quyền về hộ tịch của cá nhân, vì vậy cũng cần được đánh giá theo góc độ quản lý hộ tịch (quy định hiện hành là hợp lý hay chưa hợp lý, nếu chưa hợp lý thì nêu rõ chưa hợp lý ở điểm nào, kiến nghị sửa đổi như thế nào cho phù hợp), cụ thể là:

- Quy định của Hiến pháp tại Chương V về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định tại Điều 64, Điều 65...

- Các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 tại Mục 2 Chương II về quyền nhân thân, bao gồm các quy định về: quyền đối với họ tên (Điều 26); quyền thay đổi họ tên (Điều 27); quyền xác định dân tộc và xác định lại dân tộc (Điều 28); quyền được khai sinh (Điều 29); quyền được khai tử (Điều 30); quyền kết hôn (Điều 39); quyền ly hôn (Điều 42); quyền nhận, không nhận cha, mẹ, con (Điều 43); quyền đối với quốc tịch (Điều 45); các quy định tại Mục 4 Chương II về giám hộ...

- Các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, bao gồm các quy định về: đăng ký kết hôn (Điều 11); thẩm quyền đăng ký kết hôn (Điều 12); giải quyết việc đăng ký kết hôn (Điều 13); tổ chức đăng ký kết hôn (Điều 14); xác định cha, mẹ (Điều 63); xác định con (Điều 64); quyền nhận cha, mẹ (Điều 65); thẩm quyền giải quyết các việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (Điều 102)...

b) Những quy định của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP.

c) Những quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/3/2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình đối với các dân tộc thiểu số.

Những quy định về thẩm quyền, thủ tục, trình tự đăng ký hộ tịch; cách thức đăng ký hộ tịch; trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch... trong các văn bản nêu trên cần được xác định là nội dung chính của việc tổng kết, đánh giá.

d) Các Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự, hôn nhân và gia đình mà Việt Nam đã ký với các quốc gia khác liên quan đến hộ tịch.

Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá các quy định của pháp luật nêu trên cần được giới hạn trong phạm vi đăng ký và quản lý hộ tịch, tính khoa học và tính thực tiễn của các quy định đó; đồng thời nêu cả những vấn đề hộ tịch mới phát sinh trong thực tiễn mà chưa có văn bản pháp luật nào điều chỉnh.

Đối với các tỉnh có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống cần chú ý liên hệ với các phong tục tập quán lành mạnh, tốt đẹp về hôn nhân và gia đình của các dân tộc đó trong mối liên hệ với các quy định của pháp luật về hộ tịch, đề xuất giải pháp nhằm bảo đảm tính khả thi của pháp luật, nhưng đồng thời không làm ảnh hưởng đến phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đó.

2. Đánh giá tình hình đăng ký, quản lý hộ tịch và hiệu quả thực tế của công tác này đối với các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương trong thời gian qua

a) Sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác hộ tịch (đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc; bố trí công chức thực hiện công tác hộ tịch...).

b) Tổ chức bộ máy làm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở 03 cấp (tỉnh, huyện, xã), đặc biệt là việc rà soát, phân tích, đánh giá về đội ngũ công chức Tư pháp hộ tịch tính đến thời điểm hiện nay trên tất cả các mặt: số lượng, độ tuổi, dân tộc, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, thâm niên đảm nhiệm công tác Tư pháp, Hộ tịch...; chế độ chính sách, khả năng đáp ứng yêu cầu công tác (cả Tư pháp và Hộ tịch); những điểm hạn chế, yếu kém và nguyên nhân hạn chế, yếu kém của đội ngũ công chức Tư pháp hộ tịch... đề xuất giải pháp tăng cường năng lực của đội ngũ công chức Tư pháp hộ tịch.

c) Đánh giá hệ thống sổ hộ tịch, hồ sơ hộ tịch đang lưu trữ tại:

- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- Bộ Ngoại giao.

d) Đánh giá tình hình và khả năng khai thác hệ thống dữ liệu hộ tịch; sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp thông tin về hộ tịch, khai thác cơ sở dữ liệu về hộ tịch...

đ) Đánh giá hiệu quả thực tế của công tác hộ tịch đối với các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương trong thời gian qua.

e) Đánh giá công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trong mối quan hệ với cải cách thủ tục hành chính.

3. Đánh giá mô hình đăng ký và quản lý hộ tịch

Mô hình quản lý hộ tịch hiện tại ở 04 cấp: Trung ương (Bộ Tư pháp), địa phương (tỉnh, huyện, xã); trong đó việc giao đồng thời cho 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) trực tiếp đăng ký hộ tịch như hiện nay có ưu, nhược điểm gì? Cần cải tiến, phân cấp như thế nào cho phù hợp?

4. Đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch

- Đánh giá về những thuận lợi, khó khăn, bất cập của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch theo phương thức đăng ký hộ tịch thủ công hiện nay;

- Tình hình áp dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, quản lý hộ tịch ở địa phương: Mức độ kết nối thông tin ở các địa phương đã triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Triển vọng của việc tin học hóa đăng ký, quản lý hộ tịch tại địa phương trong những năm tới.

5. Đánh giá mối quan hệ giữa hộ tịch với các lĩnh vực khác

- Mối quan hệ giữa quản lý Nhà nước về hộ tịch với quản lý Nhà nước thuộc các lĩnh vực của các ngành khác có liên quan ở địa phương như:

+ Ngành Công an trong quản lý Hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân;

+ Ngành Y tế trong quản lý dân số và kế hoạch hóa gia đình;

+ Ngành Giáo dục và Đào tạo trong quản lý học bạ, văn bằng chứng chỉ;

+ Ngành Nội vụ trong quản lý hồ sơ cán bộ, công chức;

+ Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội trong quản lý bảo hiểm xã hội;

+ Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cá nhân trong thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.

- Việc sử dụng thông tin về hộ tịch của các cơ quan có liên quan (cơ quan quản lý hồ sơ cán bộ, công chức; cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp...).

- Mối quan hệ giữa các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương, đặc biệt là với Bộ Công an liên quan đến số định danh cá nhân trong hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với số định danh trong đăng ký hộ tịch; vấn đề kết nối thông tin giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu về hộ tịch trong tương lai; và vấn đề hợp tác quốc tế về hộ tịch.

6. Đề xuất nội dung xây dựng Luật Hộ tịch

- Về mô hình hệ thống cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch từ cấp Trung ương đến địa phương:

Luật Hộ tịch cần nghiên cứu, cải tiến mô hình quản lý và đăng ký hộ tịch như thế nào? Có nên theo hướng tập trung việc đăng ký hộ tịch vào 01 hoặc 02 cấp không? Nếu 01 cấp đăng ký thì nên giao cho cấp xã hay cấp huyện; nếu 02 cấp đăng ký thì nên giao cụ thể cho những cấp nào (có nên giao cho cấp xã và cấp huyện để cấp tỉnh tập trung vào chức năng quản lý nhà nước không?). Theo mô hình này thì cấp Trung ương là cấp quản lý vĩ mô chuyên về hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật; cấp tỉnh là cấp tổ chức thực hiện pháp luật, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra; cấp huyện chủ yếu là kiểm tra, thanh tra, có thể trực tiếp đăng ký một số việc hộ tịch (theo mô hình 02 cấp đăng ký), cấp xã là cấp trực tiếp đăng ký.

- Về quan hệ giữa hộ tịch với các lĩnh vực khác: Luật Hộ tịch cần quy định như thế nào để khai thác, chia sẻ thông tin giữa lĩnh vực hộ tịch với các lĩnh vực khác (như hệ cơ sở quốc gia về dân cư, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; lý lịch tư pháp...).

- Về tổ chức, quản lý cơ sở dữ liệu về hộ tịch:

Cơ sở dữ liệu hộ tịch là kết quả của hoạt động đăng ký hộ tịch. Cơ sở dữ liệu hộ tịch có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với hoạt động quản lý hộ tịch và quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực. Cơ sở dữ liệu hộ tịch có thể là cơ sở dữ liệu bằng giấy hoặc cơ sở dữ liệu điện tử (hiện nay ở nước ta cơ sở dữ liệu hộ tịch chủ yếu là bằng giấy); do đó, việc tin học hóa đăng ký và quản lý hộ tịch là một yêu cầu tất yếu. Việc tin học hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử nên làm theo từng địa phương (tức là mỗi tỉnh, thành phố có cơ sở dữ liệu tập trung cấp tỉnh, có thể có cơ sở dữ liệu cấp huyện) hay cần xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung toàn quốc? Biện pháp trước mắt và lâu dài nên tiến hành như thế nào cho khả thi với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta? Đề xuất vấn đề kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu về hộ tịch với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan (hộ khẩu, chứng minh nhân dân, lý lịch tư pháp...).

- Về mã số công dân:

Dự kiến mã số này được cấp cho mỗi cá nhân một lần duy nhất trong đời vào lúc đăng ký khai sinh và sử dụng cho đến khi chết; mỗi cá nhân có một mã số riêng, không trùng với bất kỳ một người nào khác. Trên thế giới hiện nay đã có rất nhiều nước áp dụng việc cấp và sử dụng một mã số cá nhân, ở Việt Nam mã số cá nhân chưa được áp dụng trong lĩnh vực hộ tịch. Một số loại mã số tương tự đang được áp dụng ở nước ta để phục vụ cho hoạt động quản lý của một số ngành như:

số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu, mã số thuế cá nhân, mã số bảo hiểm xã hội... trong các mã số nêu trên thì số chứng minh nhân dân là phổ biến nhất (được áp dụng cho tất cả công dân từ đủ 14 tuổi trở lên). Hiện nay số chứng minh nhân dân đang được sử dụng phổ biến trong hoạt động quản lý của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Ngay cả các lĩnh vực quản lý có mã số chuyên ngành cũng đều sử dụng số chứng minh nhân dân để hỗ trợ cho việc nhận dạng. Như vậy, số chứng minh nhân dân đã được thừa nhận như một mã số cá nhân (số định danh cá nhân), tuy nhiên hạn chế của mã số này là chỉ được cấp cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, người dưới 14 tuổi không được cấp. Với những thực tế nêu trên, thì Luật Hộ tịch nên quy định việc xây dựng mã số cá nhân trên cơ sở nào (cấp mã số cá nhân ngay từ khi đăng ký khai sinh lần đầu cho công dân hay lấy theo số Chứng minh nhân dân của ngành Công an).

- Về chế định Hộ tịch viên:

Hiện nay, trong công tác đăng ký hộ tịch, công chức Tư pháp hộ tịch, là một công chức giúp việc cho Chủ tịch UBND cấp xã, không trực tiếp ký các loại giấy tờ hộ tịch, không chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các giấy tờ hộ tịch do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND cấp xã ký, mặc dù các loại giấy tờ đó đều do công chức Tư pháp hộ tịch lập ra. Ngoài việc giúp UBND cấp xã thực hiện việc quản lý và đăng ký hộ tịch ở địa phương, công chức Tư pháp hộ tịch còn phải đảm nhiệm rất nhiều công việc tư pháp khác, do đó ảnh hưởng nhiều đến chất lượng công tác hộ tịch ở cơ sở. Để bảo đảm ổn định và nâng cao chất lượng công tác hộ tịch, Luật Hộ tịch cần quy định về chức danh Hộ tịch viên trên cơ sở tách riêng công tác hộ tịch khỏi công tác tư pháp khác, theo hướng chuyên nghiệp hóa chức danh Hộ tịch viên. Chức danh Hộ tịch viên cần được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ hộ tịch như các chức danh tư pháp khác (Công chứng viên, Trợ giúp viên pháp lý, Đấu giá viên...). Trên cơ sở đó, yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Hộ tịch viên; quyền hạn và trách nhiệm của Hộ tịch viên... cần quy định như thế nào cho phù hợp?

- Các đề xuất khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Đối với các địa phương

a) Ủy ban nhân dân cấp xã

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng báo cáo tổng kết gửi UBND cấp huyện bao gồm những nội dung sau đây:

+ Đánh giá quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP, Nghị định số 32/2002/NĐ-CP trong mối liên hệ với thực tiễn, rút ra những điểm hợp lý hoặc không hợp lý để làm cơ sở cho việc xây dựng Luật Hộ tịch (nêu tại điểm c khoản 1 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đánh giá về tình hình đăng ký, quản lý hộ tịch và hiệu quả thực tế của công tác này đối với các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương trong thời gian qua (nêu tại khoản 2 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch (nêu tại khoản 4 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đánh giá tình hình phối hợp giữa công tác quản lý hộ tịch với các công tác quản lý nhà nước khác ở địa phương (nêu tại khoản 5 Mục II của Kế hoạch này);

+ Rà soát đội ngũ công chức Tư pháp hộ tịch (theo biểu Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này);

+ Thống kê số lượng sổ hộ tịch đang lưu trữ tại UBND cấp xã (theo biểu Phụ lục 4 kèm theo Kế hoạch này);

+ Thống kê số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch đang lưu trữ tại UBND cấp xã (theo biểu Phụ lục 7 kèm theo Kế hoạch này).

Công chức Tư pháp hộ tịch có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cấp xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo UBND cấp xã gửi báo cáo tổng kết đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng, số liệu thống kê báo cáo phải chính xác;

- Tổng hợp kết quả báo cáo tổng kết của các UBND cấp xã trong địa phương và tổ chức Hội nghị tổng kết ở cấp huyện có sự tham gia của các cơ quan, ban, ngành ở địa phương như: Công an; Tài chính; Nội vụ; Giáo dục và đào tạo; Y tế; Lao động, Thương binh và Xã hội; Hội Phụ nữ; Đoàn Thanh niên; Mặt trận và đại diện UBND các xã, phường, thị trấn trong địa bàn.

- Báo cáo tổng kết của UBND cấp huyện gửi Sở Tư pháp bao gồm những nội dung sau đây:

+ Đánh giá quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP trong mối liên hệ với thực tiễn, rút ra những điểm hợp lý hoặc không hợp lý để làm cơ sở cho việc xây dựng Luật Hộ tịch (nêu tại điểm c khoản 1 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đánh giá về tình hình đăng ký, quản lý hộ tịch và hiệu quả thực tế của công tác này đối với các mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương trong thời gian qua (nêu tại khoản 2 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đánh giá mô hình quản lý, đăng ký hộ tịch (nêu tại khoản 3 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch (nêu tại khoản 4 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đánh giá tình hình phối hợp giữa công tác hộ tịch với các công tác quản lý nhà nước khác ở địa phương (nêu tại khoản 5 Mục II của Kế hoạch này);

+ Đề xuất nội dung xây dựng Luật Hộ tịch theo những gợi ý được nêu tại khoản 6 Mục II của Kế hoạch này;

+ Tổng hợp kết quả rà soát đội ngũ cán bộ Tư pháp hộ tịch (qua tổng hợp kết quả của UBND cấp xã) (theo biểu Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này);

+ Tổng hợp, thống kê số sổ hộ tịch đang lưu trữ tại UBND cấp xã trong địa bàn và sổ hộ tịch đang lưu tại UBND cấp huyện (theo biểu Phụ lục 5 kèm theo Kế hoạch này);

+ Tổng hợp, thống kê số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch đang lưu trữ tại UBND cấp xã trong địa bàn và số liệu trong sổ hộ tịch đang lưu trữ tại UBND cấp huyện (theo biểu Phụ lục 8 kèm theo Kế hoạch này).

Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Thành lập Ban chỉ đạo tổng kết, do một Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Tư pháp làm Phó Trưởng ban thường trực, các thành viên gồm: đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh/thành phố; đại diện các ban, ngành ở cấp tỉnh như: Công an; Tài chính; Nội vụ; Ngoại vụ (nếu có); Giáo dục và đào tạo; Y tế; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc (nếu có); Hội Liên hiệp phụ nữ; Đoàn Thanh niên; Mặt trận và đại diện UBND các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong địa bàn.

- Ban chỉ đạo tổng kết có nhiệm vụ xây dựng và triển khai Kế hoạch tổng kết ở địa phương theo đúng yêu cầu của Kế hoạch này; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các UBND cấp huyện trong việc tiến hành tổng kết; chỉ đạo xây dựng báo cáo tổng hợp về tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương, tổ chức Hội nghị tổng kết toàn tỉnh/thành phố.

Báo cáo tổng kết của UBND cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp bao gồm những dung sau đây:

- + Đánh giá theo các nội dung đã nêu tại Mục II của Kế hoạch này;
- + Tổng hợp kết quả rà soát đội ngũ công chức Tư pháp hộ tịch (qua tổng hợp kết quả của UBND cấp huyện) (theo biểu Phụ lục 3 kèm theo Kế hoạch này);
- + Thống kê số lượng sổ hộ tịch đang lưu trữ tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện (qua tổng hợp số liệu do UBND cấp huyện báo cáo) và số sổ hộ tịch đang lưu tại Sở Tư pháp (theo biểu Phụ lục 6 kèm theo Kế hoạch này);
- + Thống kê số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch lưu tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện (qua tổng hợp số liệu do UBND cấp huyện báo cáo) và số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch lưu tại Sở Tư pháp (theo biểu Phụ lục 9 kèm theo Kế hoạch này).

Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp Ban chỉ đạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Các ban, ngành, đoàn thể các cấp ở địa phương khi tham dự Hội nghị tổng kết cần có đánh giá về hiệu quả của công tác hộ tịch đối với công việc của ngành mình.

1.2. Đối với các Cơ quan đại diện

Báo cáo tổng kết của các Cơ quan đại diện gửi Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp bao gồm những nội dung sau đây:

- + Đánh giá các quy định của pháp luật về hộ tịch hiện hành trong mối liên hệ với thực tiễn thực hiện đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện, rút ra những điểm hợp lý hoặc không hợp lý để làm cơ sở cho việc xây dựng Luật Hộ tịch (nêu tại khoản 1 Mục II của Kế hoạch này);
- + Đánh giá về tình hình đăng ký, quản lý hộ tịch và hiệu quả thực tế của công tác này đối với các công tác khác ở các Cơ quan đại diện;
- + Đánh giá đội ngũ viên chức lãnh sự làm công tác hộ tịch tại các Cơ quan đại diện;
- + Đánh giá thực tế quá trình kết nối, chia sẻ thông tin hộ tịch giữa các Cơ quan đại diện với nhau, giữa Cơ quan đại diện với các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch ở trong nước và giữa Cơ quan đại diện với Bộ Ngoại giao;
- + Đề xuất nội dung xây dựng Luật Hộ tịch theo những gợi ý được nêu tại khoản 6 Mục II của Kế hoạch này;

+ Thống kê số lượng sổ hộ tịch đang lưu trữ tại Cơ quan đại diện (theo biểu Phụ lục 10 kèm theo Kế hoạch này);

+ Thống kê số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch đang lưu trữ tại các Cơ quan đại diện (theo biểu Phụ lục 11 kèm theo Kế hoạch này).

1.3. Đối với các cơ quan Trung ương

a) Bộ Ngoại giao

- Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện tiến hành tổng kết, báo cáo tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch (chủ yếu là ở những địa bàn có đông công dân Việt Nam sinh sống) theo những nội dung đã nêu tại khoản 2 của Mục này.

- Bộ Ngoại giao tập hợp báo cáo của các Cơ quan đại diện, xây dựng báo cáo tình hình quản lý và đăng ký hộ tịch tại các Cơ quan đại diện; tổng hợp tình hình lưu trữ, thống kê số sổ hộ tịch đang lưu tại các Cơ quan đại diện và tại Bộ Ngoại giao (theo biểu Phụ lục 12 kèm theo Kế hoạch này); thống kê số liệu đăng ký hộ tịch trong sổ hộ tịch đang lưu trữ tại các Cơ quan đại diện và tại Bộ Ngoại giao (theo biểu Phụ lục 13 kèm theo Kế hoạch này).

Bộ Ngoại giao chỉ thống kê số liệu đăng ký trong sổ hộ tịch lưu tại Bộ Ngoại giao khi các sổ này chỉ có lưu tại Bộ Ngoại giao mà không lưu ở Cơ quan đại diện; đối với các loại sổ kép đang lưu đồng thời tại Cơ quan đại diện và Bộ Ngoại giao, thì chỉ Cơ quan đại diện thống kê báo cáo.

b) Bộ Tư pháp

- Thành lập Ban chỉ đạo tổng kết toàn quốc, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Trưởng ban, thành viên Ban chỉ đạo là đại diện Lãnh đạo các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương như: Bộ Ngoại giao; Bộ Công an; Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc và miền núi; Hội nông dân Việt Nam; Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo do Vụ trưởng Vụ Hành chính tư pháp làm Tổ trưởng, thành viên Tổ giúp việc là đại diện Lãnh đạo cấp Vụ, Cục và tương đương của các các bộ, ngành, đoàn thể đã nêu ở trên.

- Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương nêu tại điểm này trực tiếp kiểm tra công tác tổng kết của một số địa phương và chỉ đạo điểm về công tác tổng kết.

- Trên cơ sở tập hợp báo cáo của các địa phương và của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng báo cáo tổng hợp của Hội nghị tổng kết toàn quốc.

Vụ Hành chính tư pháp giúp Bộ trưởng trong việc theo dõi, thực hiện Kế hoạch tổng kết này; phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch chi tiết tổ chức Hội nghị toàn quốc trình Lãnh đạo Bộ ký, ban hành.

2. Thời hạn tổng kết và gửi báo cáo

- Báo cáo tổng kết của UBND cấp xã gửi về UBND cấp huyện trước ngày 01/02/2012.

- Hội nghị tổng kết ở cấp huyện được tổ chức trong tháng 2 năm 2012; báo cáo tổng kết của UBND cấp huyện gửi về UBND cấp tỉnh trước ngày 29/02/2012.

- Hội nghị tổng kết ở cấp tỉnh được tổ chức trước ngày 15/03/2012.

- Báo cáo tổng kết của UBND cấp tỉnh và Bộ Ngoại giao gửi về Bộ Tư pháp (Vụ Hành chính tư pháp) trước ngày 31/3/2012.

- Hội nghị tổng kết toàn quốc được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2012 theo hình thức Hội nghị trực tuyến hoặc tập trung.

3. Kinh phí

- Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết tại địa phương được lấy từ kinh phí hành chính của địa phương.

- Kinh phí chuẩn bị nội dung và tổ chức Hội nghị tổng kết toàn quốc được lấy từ nguồn kinh phí hàng năm của Bộ Tư pháp. / *Hết*


BỘ TRƯỞNG
Hà Hùng Cường

Đơn vị báo cáo:
UBND xã/phường/thị trấn...

PHỤ LỤC 1
RÀ SOÁT ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP HỘ TỊCH
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Kèm theo Quyết định số: 427/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 11 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)
(Tính đến ngày tháng năm)

Số TT	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc		Công chức Tư pháp hộ tịch			Trình độ văn hóa		Trình độ chuyên môn				Thời gian làm công tác Tư pháp hộ tịch	
		Nam	Nữ	Kinh	Khác	Chuyên trách hộ tịch	Kiểm nhiệm Tư pháp hộ tịch	Hợp đồng	THPT	THCS	Bồi dưỡng nghiệp vụ Tư pháp hộ tịch	Trung cấp luật	Đại học luật	Trình độ chuyên môn khác	Dưới 05 năm	Từ 05 năm trở lên
1																
2																
3																
...																
Tổng																

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đơn vị báo cáo:
UBND huyện/quận...

PHỤ LỤC 2
RÀ SOÁT ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP HỘ TỊCH
TRONG PHẠM VI QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH
Kèm theo Quyết định số: 127/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Tính đến ngày tháng năm)

Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số công chức Tư pháp hộ tịch trên địa bàn cấp huyện	Công chức Tư pháp hộ tịch			Giới tính		Dân tộc		Trình độ văn hóa		Trình độ chuyên môn				Thời gian làm công tác Tư pháp hộ tịch	
		Chuyên trách hộ tịch	Kiểm nhiệm Tư pháp hộ tịch	Hợp đồng	Nam	Nữ	Kinh	Khác	THPT	THCS	Bồi dưỡng nghiệp vụ Tư pháp hộ tịch	Trung cấp luật	Đại học luật	Trình độ chuyên môn khác	Dưới 05 năm	Từ 05 năm trở lên

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp ...

PHỤ LỤC 3
RÀ SOÁT ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP HỘ TỊCH TRONG PHẠM VI
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Kèm theo Quyết định số: 4279/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
(Tính đến ngày tháng năm)

Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Tổng số công chức Tư pháp hộ tịch trên địa bàn cấp tỉnh	Công chức Tư pháp hộ tịch			Giới tính		Dân tộc		Trình độ văn hóa		Trình độ chuyên môn				Thời gian làm công tác Tư pháp hộ tịch	
			Chuyên trách hộ tịch	Kiểm nhiệm Tư pháp hộ tịch	Hợp đồng	Nam	Nữ	Kinh	Khác	THPT	THCS	Bồi dưỡng nghiệp vụ Tư pháp hộ tịch	Trung cấp luật	Đại học luật	Trình độ chuyên môn khác	Dưới 05 năm	Từ 05 năm trở lên

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Đơn vị báo cáo:
UBND xã/phường/thị trấn...

PHỤ LỤC 4
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số 4279/QĐ-BTP ngày 19 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số đăng ký khai sinh	Số đăng ký kết hôn	Số đăng ký khai tử
1	1987			
2	1988			
3	1989			
...			
...	2010			
Tổng số				

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chú ý:

Trong trường hợp sổ hộ tịch được dùng cho nhiều năm, thì sẽ thống kê số lượng theo từng năm

Đơn vị báo cáo:
UBND huyện/quận...

PHỤ LỤC 5
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SỔ HỘ TỊCH
LƯU TẠI UBND CẤP XÃ VÀ UBND CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 4279/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số đăng ký khai sinh			Số đăng ký kết hôn			Số đăng ký khai tử		
		Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	1987									
2	1988									
3	1989									
...									
...	2010									
Tổng số										

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Cột (4), (5), (7), (8), (10), (11) thống kê các loại sổ hộ tịch đang lưu thực tế tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện

Đơn vị báo cáo: Sở Tư pháp ...

PHỤ LỤC 6
BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI UBND CẤP
XÃ, UBND CẤP HUYỆN VÀ SỞ TƯ PHÁP

*(Kèm theo Quyết định số 4279/QĐ-BTP ngày 7 tháng 11 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Số TT	Năm lưu trữ	Số đăng ký khai sinh				Số đăng ký kết hôn				Số đăng ký khai tử			
		Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1987												
2	1988												
3	1989												
...	...												
...	2010												
Tổng số													

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Cột (4), (5), (8), (9), (12), (13) thống kê các loại sổ hộ tịch đang lưu thực tế tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện

Đơn vị báo cáo:
UBND xã/phường/thị trấn...

PHỤ LỤC 7
THÔNG KÊ SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ
TRONG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số 427/QĐ-BTP ngày 7 tháng 11 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số trường hợp đăng ký khai sinh	Số trường hợp đăng ký kết hôn	Số trường hợp đăng ký khai tử
1	1987			
2	1988			
3	1989			
...			
...	2010			
Tổng số				

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đơn vị báo cáo:
UBND huyện/quận...

PHỤ LỤC 8
THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TRONG SỔ HỘ TỊCH
LƯU TẠI UBND CẤP XÃ VÀ UBND CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 429/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số trường hợp đăng ký khai sinh			Số trường hợp đăng ký kết hôn			Số trường hợp đăng ký khai tử		
		Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	1987									
2	1988									
3	1989									
...									
...	2010									
Tổng số										

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Cột (4), (7), (10) là tổng hợp số liệu báo cáo của UBND cấp xã

Cột (5), (8), (11) số liệu thống kê trong các sổ hộ tịch chỉ có lưu tại UBND cấp huyện mà không lưu ở UBND cấp xã; đối với các loại sổ kép đang lưu đồng thời tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện, thì chỉ UBND cấp xã thống kê báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp ...

PHỤ LỤC 9
THÔNG KÊ SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TRONG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI
UBND CẤP XÃ, UBND CẤP HUYỆN VÀ SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 427/QĐ-BTP ngày 17 tháng // năm 20//
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số trường hợp đăng ký khai sinh				Số trường hợp đăng ký kết hôn				Số trường hợp đăng ký khai tử			
		Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp	Tổng	Tại cấp xã	Tại cấp huyện	Tại Sở Tư pháp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1987												
2	1988												
3	1989												
...												
...	2010												
Tổng số													

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú

Cột (4), (5), (8), (9), (12), (13) là tổng hợp số liệu báo cáo của UBND cấp huyện trên địa bàn.

Đơn vị báo cáo: Cơ quan
đại diện Việt Nam tại ...

PHỤ LỤC 10
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
(Kèm theo Quyết định số 1229/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số đăng ký khai sinh	Số đăng ký kết hôn	Số đăng ký khai tử
1	1987			
2	1988			
3	1989			
...			
...	2010			
Tổng số				

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đơn vị báo cáo: Cơ quan
đại diện Việt Nam tại ...

PHỤ LỤC 11
THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TRONG SỔ HỘ TỊCH
LƯU TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

(Kèm theo Quyết định số 4179/QĐ-BTP ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số trường hợp		
		Đăng ký khai sinh	Đăng ký kết hôn	Đăng ký khai tử
1	1987			
2	1988			
3	1989			
...			
...	2010			
Tổng số				

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đơn vị báo cáo:
CỤC LÃNH SỰ (BỘ NGOẠI GIAO)

PHỤ LỤC 12
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI CÁC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
VÀ TẠI BỘ NGOẠI GIAO (CỤC LÃNH SỰ)
(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-BTP ngày 12 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số đăng ký khai sinh			Số đăng ký kết hôn			Số đăng ký khai tử		
		Tổng	Tại các CQDD	Tại Bộ Ngoại giao	Tổng	Tại các CQDD	Tại Bộ Ngoại giao	Tổng	Tại các CQDD	Tại Bộ Ngoại giao
1	1987									
2	1988									
3	1989									
...									
...	2010									
Tổng số										

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
CỤC TRƯỞNG CỤC LÃNH SỰ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đơn vị báo cáo:
CỤC LÃNH SỰ (BỘ NGOẠI GIAO)

PHỤ LỤC 13
THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TRONG SỔ HỘ TỊCH LƯU TẠI CÁC CƠ QUAN
ĐẠI DIỆN VÀ TẠI BỘ NGOẠI GIAO (CỤC LÃNH SỰ)
(Kèm theo Quyết định số 127/QĐ-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số TT	Năm lưu trữ	Số trường hợp đăng ký khai sinh			Số trường hợp đăng ký kết hôn			Số trường hợp đăng ký khai tử		
		Tổng	Tại các CQDD	Tại Bộ Ngoại giao	Tổng	Tại các CQDD	Tại Bộ Ngoại giao	Tổng	Tại các CQDD	Tại Bộ Ngoại giao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	1987									
2	1988									
3	1989									
...									
...	2010									
Tổng số										

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
CỤC TRƯỞNG CỤC LÃNH SỰ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

- Cột (4), (7), (10) là tổng hợp số liệu của các Cơ quan đại diện
- Cột (5), (8), (11) số liệu thống kê trong các sổ hộ tịch chỉ có lưu tại Bộ Ngoại giao mà không lưu ở Cơ quan đại diện; đối với các loại sổ kép đang lưu đồng thời tại Cơ quan đại diện và Bộ Ngoại giao, thì chỉ Cơ quan đại diện thống kê báo cáo.